TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: **187**/2025/QĐST-HNGĐ	*Đông Anh, ngày 06 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu A**, sinh năm 1983. Nơi thường trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, TP. Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Số 17 Phạm Hữu Chí, phường M, thành phố N, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24/4/2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24/4/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01, đăng ký ngày 02/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Dục Tú, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội cấp cho bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Văn B không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Văn B có 03 con chung là Nguyễn Hương C, sinh năm 2004; Nguyễn Thu C, sinh năm 2006 và Nguyễn Thành E, sinh ngày 24/12/2015.

Sau ly hôn, do chị C, chị D đều đã thành niên, có đầy đủ sức khỏe nên bà A, ông B không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung đối với chị C, chị D. Bà A trực tiếp nuôi dưỡng cháu E và không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu E thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Văn B đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Trần Thị Thu A chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: **72110** ngày 23/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Bà A được trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Dục Tú;*
- *Lưu hồ sơ./.*

Nguyễn Lâm Bình